

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HS-ST.
Ngày 08-8-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Thía;

Ông Đoàn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2018 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Trường G - sinh ngày 31/12/1995, tên gọi khác: không. Nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn) 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc L và bà Nguyễn Thị L; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt truy nã ngày 06/4/2018, chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Phan Chí H, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/8/2012, khi bị cáo cùng với Nguyễn Văn L1 đi từ nhà ở ấp A đến ấp A xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau thì phát hiện tại nhà của anh Lê Minh T ở ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau, có đầu xe mô tô hiệu ETS, màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 69UR – 0195 của anh Phan Chí H.

Nguyễn Văn L1 thực hiện hành vi dẫn xe anh Phan Chí H khỏi quán đến nơi bị cáo đứng đợi. Bị cáo dùng tay bức dây max của xe điều khiển xe nhưng không chạy, bị cáo cùng L1 tiếp tục dẫn xe hướng về nhà bị cáo và bị cáo tiếp tục dùng tay bức dây max xe và chạy xe về nhà, đến khoảng 8 giờ ngày 26/8/2012, khi G và L1 đậu xe uống cà phê trong quán tại phường 2 thành phố Cà Mau thì bị anh H, đang đi tìm xe, phát hiện xe của mình, sau đó anh H chạy xe về. Bị cáo bị Công an xã mời làm việc thì thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại Biên bản số 26/KL-HĐĐG ngày 10/9/2012 về định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: giá trị 01 chiếc xe mô tô hiệu ETS, màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 69UR – 0195 là 7.760.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau đã truy tố bị cáo Nguyễn Trường G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Nguyễn Trường G 04 tháng 05 ngày tù, trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trường G khai nhận: bị cáo G thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản do bị cáo và L1 có hành vi trộm xe của anh H vào đêm ngày 25.8.2012 là đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận biết hành vi của mình là sai và xin Hội đồng xét xử xem xét hình phạt nhẹ cho bị cáo để bị cáo về cùng gia đình nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cũng như người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trường G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng và thừa nhận lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là do bị cáo tự khai báo, không bị ép buộc hay bị một tác động nào buộc bị cáo khai, do đó lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là chứng cứ. Các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ

vụ án có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó có cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 19 giờ 30 ngày 25/8/2012, khi bị cáo cùng với Nguyễn Văn L1 đi từ nhà ở ấp A đến ấp A, xã A, huyện M tỉnh Cà Mau thì phát hiện tại nhà của anh Lê Minh T có đậu xe mô tô hiệu ETS, màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 69UR – 0195 của anh Phan Chí H. Nguyễn Văn L1 dẫn xe anh Phan Chí H khỏi quán của anh T, bị cáo G dùng tay bức dây max điều khiển xe chở L1 về nhà. Đến khoảng 8 giờ ngày 26/8/2012, khi bị cáo G và L1 đậu xe uống cà phê trong quán tại phường 2 thành phố Cà Mau thì bị anh H, đang đi tìm xe, phát hiện xe của mình, sau đó anh H chạy xe về. Sau khi được mời làm việc tại Công an thì bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã trên 16 tuổi, đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết được việc lấy trộm tài sản của người khác là phạm tội nhưng do ham muốn nhanh chóng có được tài sản mà bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Tài sản bị cáo trộm được định giá có giá trị là 7.760.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo khoản 1 của tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, tuy nhiên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 22/8/2012, trước ngày Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực thi hành nhưng Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 có hình phạt nặng hơn Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 quy định về hiệu lực của Bộ luật hình sự về thời gian thì áp dụng Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt đối với bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn làm khó khăn cho quá trình điều tra nên cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tính răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo có ông ngoại là người có công cách mạng được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi do đó áp dụng Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999 mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo nhẹ hơn so với người đã thành niên. Xét bị cáo hiện đang bị tạm giam, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian tạm giam đối với bị cáo cũng đã đủ giáo dục răn đe bị cáo, thể hiện tính nghiêm khắc của pháp luật.

Vụ án có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Đối với Nguyễn Văn L1 khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên không đặt ra xử lý đối với L1 là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị về áp dụng hình phạt đối với bị cáo G của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phan Chí H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 5 Điều 328, Điều 331 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường G phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trường G 04 (bốn) tháng 03 (ba) ngày tù, kể từ ngày 06/4/2018. Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Trường G tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trường G pH nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

[4] Bị cáo Nguyễn Trường G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Người bào chữa (nếu có);
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- CQĐT huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan THAHS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng